

TỪ ĐẾ QUỐC TÀN HÁN ĐẾN ĐẾ QUỐC ĐẠI HÁN

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống



Ngày nay, cùng với người Việt trong và ngoài nước, chúng ta thách thức Bắc Kinh công khai đưa vụ tranh chấp chủ quyền các hải đảo và hải phận tại Biển Đông Hải, Biển Nam Hoa hay Biển Đông Nam Á ra trước các cơ quan tài phán, trọng tài hay tham vấn theo thủ tục quốc tế.

Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ

Theo cuốn Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ do Hàn Lâm Viện Trung Quốc xuất bản tại Đài Bắc năm 1978, trong bài “Nghiên Cứu về Lịch Sử và Địa Lý” học giả Hsieh Chiao-Min nhận định về cuộc Thảm Hiểm của Trung Hoa tại Đại Dương như sau: “Suốt chiều dài lịch sử, về sự phát triển văn hóa và khoa học, dân tộc Trung Hoa không tha thiết đến đại dương. Thần hoặc nhà cầm quyền Trung Quốc cũng gửi những đoàn thám hiểm đại dương đến Nhật Bản trong các thế kỷ thứ ba và thứ hai Trước Công Nguyên, cũng như tại Đông Nam Á, Ấn Độ và Phi Châu trong thế kỷ 15. Điểm rõ nét nhất là tại Thái Bình Dương có rất ít, nếu không nói là không có, những vụ xâm nhập quy mô của Trung Quốc” suốt chiều dài lịch sử (từ nhà Tần thế kỷ thứ ba Trước C. N. đến nhà Thanh từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 20). Chiao-Min Hsieh. Chinese History Middle Ages: China Academy, Taipei, 1978, p. 287).

Dưới đời nhà Tần, cuốn Tần Chí tường thuật rằng năm 211 Trước C.N. Tần Thủy Hoàng sai một phái bộ gồm hàng ngàn đồng nam đồng nữ (traoi gái tân) đi kiếm những dược phẩm có tác dụng đem lại trường sinh bất tử cho nhà vua tại đảo Đại Châu Bất Tử trong Đông Trung Quốc Hải. Mặc dầu vậy, Tần Thủy Hoàng không bắt tử mà đã

chết một năm sau đó. Và chế độ quân phiệt nhà Tần đã cáo chung sau 15 năm thống trị (221-206 Trước C.N).

Qua thế kỷ thứ hai Trước C.N. Hán Vũ Đế khởi công tìm kiếm hệ thống lưu vực Sông Tây Giang để mở rộng con đường thương mại từ Hàng Châu đến Quảng Đông. Sau khi thôn tính Nam Việt năm 111 Trước C.N. nhà Vua nối liền được những tỉnh phía Tây Nam từ Vân Nam qua Ấn Độ và Nam Nga nhằm phát triển ngoại thương như xuất cảng vàng lụa đến miền Tây Á và La Mã trên Con Đường Tơ Lụa.

Như vậy trong thời Đế Quốc Thứ Nhất đời Tần Hán (First Empire), những cuộc thám hiểm đại dương tại Đông Trung Quốc Hải và Biển Nhật Bản không phải để chinh phục vùng Biển Nam Hoa nơi tọa lạc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đặc biệt trong thế kỷ 15, từ đời Minh Thành Tổ (Vĩnh Lạc), Đô Đốc Thái Giám Trịnh Hòa đã 7 lần thám hiểm Tây Dương (Ấn Độ Dương). Và trong 28 năm, từ 1405 đến 1433, đã viếng thăm 37 quốc gia duyên hải đến Ba Tư, Biển Hồng Hải phía tây bắc, Đông Phi Châu phía cực tây và Đài Loan phía cực đông. Những cuộc thám hiểm này chỉ đi ngang qua Biển Nam Hoa nhằm khai phá Ấn Độ Dương. Lịch sử Trung Quốc cũng phê phán những cuộc thám hiểm đại dương đời nhà Minh vì đã làm kiệt quệ kinh tế đất nước. (The large exploring expeditions that were to cross the South China Sea and explore the Indian Ocean were criticized by the court as poor to (an impoverishment of) the country. Chiao-Min Hsieh, Ibid, p. 290-291).

Những tài liệu lịch sử nêu trên đã được phổ biến tại Đại Hội Quốc Tế về Sử Địa Trung Quốc Kỳ I tại Đài Bắc năm 1968 và đã được đăng trong cuốn Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ năm 1978.

Như vậy theo chính sử Trung Quốc suốt từ thế kỷ thứ 3 Trước C.N. đến thế kỷ 15, dưới 3 triều đại Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế và Minh Thành Tổ không có tài liệu nào cho biết có các lực lượng hải quân Trung Quốc đi tuần thám để hành sử và công bố chủ quyền tại Biển Đông Hải, Biển Nam Hoa hay Biển Đông Nam Á.

Đối chiếu lịch sử Việt Nam và Trung Quốc, sử sách ghi chép rằng năm 214 Trước C.N., sau khi thống nhất Trung Hoa, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư đem quân thôn tính các nước Bách Việt để chia thành 3 quận: Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (Quảng Tây) và Tượng Quận (Bắc và Trung Việt). (Nước Việt ta thời đó có nhiều voi: Bà Trưng, Bà Triệu cưỡi voi khởi nghĩa đánh nhà Hán, nhà Ngô; Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên, Quang Trung đuổi quân Thanh cũng ngồi trên mình voi đánh giặc). Tuy nhiên các dân tộc Bách Việt không chịu ách đô hộ tàn bạo của nhà Tần. Họ trốn vào rừng chiến đấu và giết được Đồ Thư.

Năm 207 Trước C. N. Triệu Đà đánh thắng An Dương Vương, rồi sát nhập Âu Lạc vào quận Nam Hải để thành lập một quốc gia độc lập đóng đô tại Phiên Ngung (Quảng Châu) lấy quốc hiệu là Nam Việt (207-111 Trước C.N.). Qua năm sau Lưu Bang cũng đánh thắng Hạng Vũ và thành lập nhà Hán.

Chữ “hải” trong quận Nam Hải không có nghĩa là biển mà là vùng đất xa xôi. Và quận Nam Hải là vùng đất phía cực Nam Trung Quốc (far-south). Cũng như Thanh Hải là một tỉnh phía cực Bắc và cực Tây tiếp giáp Cam Túc, Tân Cương và Tây Tạng. Như vậy Biển Nam Hải là vùng biển của quận Nam Hải thuộc tỉnh Quảng Đông. Từ nguyên thủy, Biển Nam Hải có tên là Trường Hải là vùng biển của tỉnh Quảng Đông, cách huyện Hải Phong 50 dặm ta (lý) về phía nam (khoảng 25km). Theo Tân Từ Điển Thực Dụng Hán Anh xuất bản tại Hồng Kông năm 1971 “Biển Nam Hải là vùng biển ven bờ chạy từ Eo Biển Đài Loan tới Quảng Đông” (The Southern Sea stretches from the Taiwan Strait to Kwantung. A New Practical Chinese-English Dictionary, Hongkong 1971, p. 121)

Theo Từ Điển Từ Hải xuất bản năm 1948 thì “Biển Nam Hoa thuộc chủ quyền chung của 5 quốc gia là Trung Hoa, Pháp (Việt Nam), Anh(Mã Lai), Mỹ (Phi Luật Tân) và Nhật (Đài Loan). Do đó Biển Nam Hải (Southern Sea) không phải là Biển Nam Hoa (South China Sea).

Sau này Trung Quốc lợi dụng danh xưng để mạo nhận rằng Biển Nam Hải của tỉnh Quảng Đông chính là Biển Nam Hoa của Trung Quốc.

Từ thế kỷ 15, các nhà thám hiểm đại dương và các nhà doanh thương Âu, Á như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan, Anh, Pháp, Ả Rập khi vượt Đại Tây Dương đến vùng biển tiếp giáp Ấn Độ, muốn cho tiện họ gọi vùng biển này là Ấn Độ Dương. Và khi qua Eo Biển Mã Lai đến vùng biển tiếp giáp Trung Hoa họ cũng tiện thể gọi vùng biển này là Biển Nam Hoa (ngoại nhân xưng Nam Trung Quốc Hải).

Sự trùng điệp danh xưng này của các nhà địa lý Tây Phương chỉ là sự ghi nhận một tập quán về ngôn ngữ hàng hải. Như vậy tên Biển Nam Hoa cũng như Ấn Độ Dương không có tác dụng công nhận chủ quyền của Trung Hoa và Ấn Độ tại các vùng biển này. Nó chỉ ghi nhận vị trí của Ấn Độ Dương là vùng tiếp giáp Ấn Độ, cũng như Biển Nam Hoa là vùng tiếp giáp miền Nam Trung Hoa. Và lại, về diện tích, Biển Nam Hải (hay Biển Nam) chỉ rộng chừng 25km, trong khi Biển Nam Hoa chạy từ bờ biển Quảng Đông tới bờ biển Nam Dương và rộng tới 2000 km.

Trong những chuyến hải hành Trịnh Hòa chỉ dừng chân tại hải cảng Chaban (Trà Bàn hay Đồ Bàn) thủ phủ Chiêm Thành. Theo Giáo Sư John King Fairbank tại Đại Học Harvard, mục đích những chuyến công du này không phải để cướp bóc hay thôn tính lãnh thổ mà chỉ nhằm thiết lập bang giao với hàng chục quốc gia duyên hải tại Ấn Độ Dương.

(The Chinese expeditions were diplomatic not commercial, much less piratical or colonizing ventures. John King Fairbank, China, a New History, Harvard University Press 1991, p. 138).

Như vậy, theo chính sử Trung Quốc, từ các đời Tần Hán, Tam Quốc, Lưỡng Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy Đường, Ngũ Đại, Tống Nguyên, Minh Thanh, sử sách không ghi chép

việc hải quân Trung Quốc đi tuần thám Biển Đông Hải để chiếm hữu các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đồng thời công bố và hành sử chủ quyền tại các quần đảo này.

Để có cái nhìn khách quan trung thực, chúng ta hãy kiểm điểm khái quát những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị của các triều đại Trung Hoa từ đời nhà Tần đến đời nhà Thanh. Từ đó chúng ta có thể nhận định rằng Trung Quốc không có điều kiện khách quan và chủ quan để thôn tính Biển Đông Hải và giành giật chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo lịch sử Trung Quốc Thời Trung Cổ, trở ngại chính yếu cho việc ổn định chính trị và phát triển kinh tế là hiểm họa Hung Nô.

Thời Đế Quốc Tần Hán

Năm 221 Trước C.N., Nhà Tần thống nhất đất nước, tập trung quyền lực trong chế độ độc tài quân phiệt, bãi bỏ chính sách phân chia ruộng đất (tinh điền) và chế độ tư tưởng phóng khoáng thời Bách Gia Chư Tử. Mặt khác huy động toàn dân vào việc xây đắp trường thành chống Hung Nô và xây dựng cung điện nguy nga như Cung A Phòng với những hy sinh khủng khiếp: 1 triệu viên đá xây thành là 1 triệu người dân hy sinh thân sống. Lịch sử Trung Hoa kết án Tần Thủy Hoàng là một bạo chúa đã từ bỏ quan niệm hòa bình nhân ái của Khổng Mạnh lấy dân làm trọng, và coi nhẹ chính quyền (dân vi quý, quân vi khinh). Vì quá lao tâm lao lực, Tần Thủy Hoàng chỉ trị vì được 11 năm. Từ đó với những âm mưu tranh giành quyền lực, cả thái tử lẫn tể tướng đã phải hoặc tự sát, hoặc bị giết. Vua Tần Nhị Thế cũng bị một viên quan hoạn giết sau 4 năm trị vì. Dân 6 nước bị nhà Tần tiêu diệt thời Chiến Quốc cùng những dân công khổ sai đã vùng đứng lên tiêu diệt chế độ nhà Tần năm 206 Trước C.N.

Lúc này tại miền Hoa Nam, hải quân Trung Quốc không lai vãng đến vùng Biển Đông Hải.

Kế nghiệp Nhà Tần là Nhà Hán kéo dài hơn 4 thế kỷ trong đó có 14 năm Vương Mãng tiếm vị (206 Trước C. N. -220 Tây Lịch).

Sau cuộc Hán Sở tranh hùng, Hán Vương Lưu Bang thắng Sở Vương Hạng Võ. Họ Lưu khởi nghiệp từ miền Hán Giang (một chi nhánh của Dương Tử Giang) đã trừ được nhà Tần, diệt được nhà Sở và thống nhất Trung Hoa lên ngôi lấy hiệu là Hán Cao Tổ.

Trước đó một năm, năm 207 Trước C. N., Triệu Đà cũng đã lên ngôi hiệu là Triệu Vũ Vương sau khi đánh thắng An Dương Vương và sát nhập Âu Lạc với quận Nam Hải để thành lập nước Nam Việt độc lập, đặt thủ đô tại Phiên Ngung (Quảng Châu).

Trong khi tại miền Bắc, Hán Cao Tổ chỉ trị vì được 11 năm, thì tại miền Nam Triệu Vũ Vương đã chấn chỉnh và mở rộng bờ cõi trong suốt 70 năm (207-137 Trước C. N.). Năm 196 Trước C. N. Hán Cao Tổ sai Lục Giả sang phong tước cho Triệu Vũ Vương.

Sau khi Hán Cao Tổ mất bà Lữ Hậu lâm triều lộng hành không cho người Việt mua các đồ sắt, điền khí và trâu bò nái. Triệu Vũ Vương xưng là Triệu Vũ Đế rồi cử binh đánh bại quân nhà Hán tại Trường Sa (Hồ Nam). Sau khi Lữ Hậu mất, Hán Văn Đế lại sai Lục Giả sang thương thuyết, yêu cầu Triệu Vũ Đế bỏ đế hiệu. Hán Văn Đế cam kết rằng: “Tại miền Hồ Quảng, từ phía nam Ngũ Lĩnh và Động Đình Hồ, Triệu Vũ Vương được toàn quyền cai trị”.

Đến năm 111 Trước C. N., khai thác mâu thuẫn giữa ba nước Mân Việt, Đông Việt và Nam Việt, Hán Vũ Đế đã thôn tính Nam Việt trái với lời cam kết của các tổ phụ và tiên vương Hán Cao Tổ và Hán Văn Đế.

Tuy nhiên, sau cái chết của Hán Vũ Đế (năm 87 Trước C.N.), Nhà Hán bắt đầu suy thoái. Trong đời Hán Nguyên Đế (48-33 Trước C.N.), quân Nhà Hán đã phải rút khỏi Châu Nhai và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam) cho đến cuối thế kỷ thứ 6 đời Lương, Tùy mới đặt lại nền cai trị. Nếu nhà Hán đã bỏ đảo Hải Nam thì cũng không lý vấn đến các đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại Đông Hải. (Hải Nam cách Hoàng Sa 150 hải lý hay 275 km)

Tiếp theo thời Đế Quốc Tần Hán là Thời Đại Phân Hóa Thứ Nhất (First Partition) với các đời Tam Quốc, Lương Tấn và Nam Bắc Triều.

Thời Đại Phân Hóa Thứ Nhất

Trong đời Tam Quốc (220-265), với thế chân vạc Ngụy, Thục, Ngô, không nước nào dám mạo hiểm và có thực lực đi thôn tính biển Đông Hải. Trước kia có lần Tào Tháo kéo quân dẹp loạn Hung Nô phía bắc. Chiến dịch này đã bị các cố vấn quân sự cho là quá mạo hiểm vì có thể đưa chế độ đến tiêu vong trong trường hợp Lưu Bị và Tôn Quyền phối hợp từ Thành Đô (Tây Thục) và Kiến Nghiệp (Đông Ngô) kéo quân đánh úp Hứa Đô.

Thời Hán mạt Tào Tháo mượn lệnh Hán Đế đem 10 vạn quân (phóng đại là 80 vạn) đi xâm chiếm Đông Ngô và đã bị Chu Du và Gia Cát Lượng đánh tan trong trận Xích Bích năm 207.

Đến đời Nhà Tấn (265-420) có loạn Nhung Địch từ phía tây bắc lũ lượt nổi lên chiếm giữ cả vùng Bắc Trường Giang để xưng vương, xưng đế tại cả thảy 16 nước gọi là loạn Ngũ Hồ. Sau 50 năm trị vì tại miền tây bắc, nhà Tấn đã phải lui về phía đông nam để dựng nghiệp Đông Tấn tại Nam Kinh.

Sau khi nhà Tấn mất ngôi có nạn phân hóa Nam Bắc Triều với 7 nước là Ngụy, Tề, Chu phía bắc và Tống, Tề, Lương, Trần phía nam.

Do sự phân hóa này Trung Quốc không còn sinh khí. Đến đời nhà Lương, tại Giao Châu, Lý Bôn phát cờ khởi nghĩa xưng là Lý Nam Đế đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Sau

đó Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử kế nghiệp Nhà Tiền Lý trong gần 60 năm (từ năm 544 đến 602).

Thời Đế Quốc Tùy Đường

Kế tiếp đời Nam Bắc Triều, Nhà Tùy trị vì được 30 năm, và cùng với Nhà Đường khởi sự Thời Đế Quốc Thứ II (Second Empire). Đây là thời thịnh trị cả về kinh doanh thương mại lẫn văn học nghệ thuật. Đường Minh Hoàng làm thơ ca tụng Khổng Tử. Các đại sư Huyền Trang và Nghĩa Tĩnh sang Ấn Độ thỉnh kinh Phật. Các thi sĩ nổi tiếng đời Đường như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Duy đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của các tư tưởng Lão Trang, Khổng Mạnh và Phật Giáo.

Tuy nhiên trong giai đoạn thoái trào vào thế kỷ thứ 8 có loạn An Lộc Sơn với các binh sĩ Ngũ Hồ từ miền Bắc xâm chiếm thủ đô Trường An.

Sự suy đồi của Nhà Đường dẫn tới đời Ngũ Đại kéo dài hơn 50 năm với 5 triều đại đã có từ trước như các nhà Hậu Đường, Hậu Lương, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Vận dụng cơ hội lịch sử này Ngô Quyền kết tập binh mã phá tan quân Nam Hán năm 938 trong trận hải chiến Bạch Đằng Giang. Do đó, từ năm 939, Việt Nam được giải phóng khỏi nạn Bắc Thuộc một ngàn năm, mở đường cho kỷ nguyên độc lập với các nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Lê và Nguyễn, từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 19.

Hồi giữa thế kỷ thứ 10, Đinh Bộ Lĩnh bình định được Thập Nhị Sứ Quân lên ngôi hiệu là Đinh Tiên Hoàng Đế. Tuy nhiên triều đại nhà Đinh chỉ kéo dài được hơn 10 năm, và đã bị kẻ quyền thần sát hại cả tiên hoàng lẫn hoàng tử.

Thời Đế Quốc Lương Tống .

Thừa dịp này quân Nhà Tống kéo sang xâm chiếm nước Nam. Để chống ngoại xâm các tướng sĩ tôn Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn lên làm vua. Và năm 981 Lê Đại Hành đánh thắng lực quân nhà Tống với Hậu Nhân Bảo và thủy quân với Lưu Trưng tại Bạch Đằng Giang.

Năm 1075, dưới đời vua Lý Nhân Tông, Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem quân vượt biên vây đánh Châu Khâm, Châu Liêm tại Quảng Đông và Châu Ung tại Quảng Tây. Qua năm sau nhà Tống đem quân sang báo thù. Nhưng một lần nữa lại bị Lý Thường Kiệt đánh bại trên sông Như Nguyệt hay Sông Cầu (Bắc Ninh).

Sau 3 lần dụng võ thất bại, do trình tấu của Hoàng Thân Triệu Nhĩ Quát, vua Tống Thần Tông phải theo chính sách “Trọng Võ Ái Nhân” (thận trọng việc võ bị, thương xót mạng người, không phơi binh nơi lam chướng), và đã thừa nhận nền độc lập của Đại Việt.

Nhà Tống kéo dài từ thế kỷ thứ 10 tới thế kỷ 13 (960-1280). Qua thế kỷ 12 nhà Tống bị bao vây bởi Bắc Liêu và Tây Hạ. Ngay từ đầu thế kỷ 11 vua nhà Tống đã phải hàng năm triều cống Bắc Liêu 10 vạn lạng bạc và 20 vạn tấm lụa. Tới đầu thế kỷ 12 (năm

1127) nước Kim lần chiếm toàn cõi phía bắc Trung Hoa khiến Vua Tống phải bỏ miền bắc thiên đô về Hàng Châu (Chiết Giang) gọi là Nam Tống. Đây là một thời đại suy vi kéo dài 150 năm. Với sự phân hóa lãnh thổ, suy thoái kinh tế, và nhất là sau 3 lần thất trận tại Việt Nam, Nhà Tống không còn dòm ngó đến Biển Đông Hải với Hoàng Sa và Trường Sa.

Thời Đế Quốc Nguyên Mông

Qua thế kỷ 13 Trung Quốc bị Mông Cổ thôn tính trong gần 90 năm.

Trước đó trong chiến dịch Tây Tiến, Thành Cát Tư Hãn đã chiếm giữ vùng Trung Á 6 ngàn dặm đến Hung Gia Lợi và nước Nga tại Bắc Âu và Ba Tư tại Nam Á. Rồi quay về chiếm nước Tây Hạ, nước Kim và Triều Tiên. Trước đó, năm 1257 quân Mông Cổ đánh Vân Nam và tràn sang Việt Nam. Tuy nhiên, với quân dân một lòng, nhà Trần đã đánh tan quân Mông Cổ tại Đông Bộ Đầu. Đây là chiến thắng đầu tiên của Việt Nam đối với nhà Nguyên.

27 năm sau, năm 1284, con Hốt Tất Liệt là Thoát Hoan kéo 50 vạn quân sang báo thù. Trong Hội Nghị Diên Hồng các bô lão đồng thanh xin đánh. Dưới sự lãnh đạo của Trần Hưng Đạo, chỉ trong vòng 6 tháng, từ tháng 12-1284 đến tháng 6-1285, quân Đại Việt đã đánh đuổi quân Nguyên ra ngoài bờ cõi. Toa Đô bị bắn chết, Ô Mã Nhi bị đuổi quá gấp phải một mình lên xuống thuyền con chạy trốn, và Thoát Hoan phải chui ống đồng lên xe chạy thoát về Tàu.

Thời gian này Hốt Tất Liệt đã có kế hoạch thôn tính Quần Đảo Phù Tang. Nay quân Thoát Hoan đại bại kéo về, Nguyên Chủ phải đình chỉ kế hoạch Đông Tiến. Và hai năm sau, đầu năm 1287, Thoát Hoan lại tập trung lực lượng kéo 30 vạn quân sang Đại Việt để báo thù lần thứ hai.

Tuy nhiên, cũng như lần trước, chỉ trong vòng một năm quân Mông Cổ đã mua lấy thất bại. Ô Mã Nhi lần này bị bắt sống tại Bạch Đằng Giang. Sau đó quân Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên khiến Thoát Hoan phải thu tàn binh tháo chạy về Yên Kinh. Và tại Thăng Long, vua Trần Nhân Tông đem các tướng nhà Nguyên bị bắt như Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp làm lễ hiến phù tại Chiêu Lăng. Đây là một vinh dự cho Đại Việt đã 3 lần đơn độc phá vỡ kế hoạch Nam Tiến (tại Việt Nam), đồng thời ngăn cản cuộc Đông Tiến (tại Nhật Bản) của đoàn quân mệnh danh là “bách chiến bách thắng” từ đời Thành Cát Tư Hãn.

Và sau ba phen thất bại, Nhà Nguyên không còn dòm ngó đến Việt Nam cả trên lục địa lẫn ngoài hải phận. Trong cuốn “Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa” Marwyn S. Samuels cũng xác nhận rằng: “Trong suốt thế kỷ 14, các đội hải thuyền hùng mạnh của Nhà Nguyên có đi tuần tiễu, nhưng tại Biển Nam Hoa, các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa không bị chiếm đóng và cũng không thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc” (Marwyn S. Samuels: Contest for the South China Sea, Methuen, London, 1982).

Như đã trình bày, trong bài “Thám Hiểm Đại Dương”, học giả Hsieh Chiao-Min nhận định rằng: “Suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Trung Hoa không tha thiết đến đại dương”. Thuyết bế quan tỏa cảng được áp dụng từ đời nhà Tần, Vạn Lý Trường Thành không chỉ là một kiến trúc mà còn là một nhân sinh quan. Miền bờ biển được coi là nơi hoang vu man rợ, đảo Hải Nam là chốn lưu đày các tù nhân biệt xứ. Trong giả thuyết “Cổ Tẩu sát nhân” của Mạnh Tử (thế kỷ thứ IV Trước C.N.), vua Thuần vào ngục thất cứu cha là Cổ Tẩu (phạm tội cố sát) rồi công cha chạy trốn về vùng bờ biển để mai danh ẩn tích đến trọn đời. Sau khi chôn sống 460 nho sĩ tại Hàm Dương, Tần Thủy Hoàng lưu đày tất cả các nho sĩ đối kháng tại miền bờ biển. Trung Hoa là một đại lục bao la, cả miền Tây và miền Bắc đất rộng mênh mông còn chưa khai phá. Vậy mà từ đời nhà Tần, Trung Hoa đã tự cô lập từ trong đất liền đến ngoài đại dương. Cho đến đời nhà Thanh vào thế kỷ 19, chính sách bế quan tỏa cảng vẫn được thi hành.

Với tâm lý tự cô lập, không thể có 100 ngàn quân nhà Hán đi khai phá các tiểu đảo san hô tại Đông Hải. Rất có thể, như đã trình bày, đó là 10 vạn thủy quân của Tào Tháo mượn lệnh Hán Đế đi xâm chiếm Đông Ngô và đã bị Chu Du và Gia Cát Lượng đánh tan trong trận Xích Bích.

“Trung Hoa không bao giờ là một cường quốc đại dương. Dân tộc Trung Hoa trong 4 ngàn năm chỉ sống về ruộng đất với những tập tục và quan niệm sống của nhà nông” (James Fairgrieve, *Geography and World Power*, London, 1921).

“Với các đặc tính của một dân tộc lục địa, Trung Hoa không phải là một cường quốc đại dương. Chú tâm của họ hướng về đất liền tại miền Trung Á hơn là ra hải ngoại. Do đó các kiến thức của họ về biển cả và duyên hải thật quá thô sơ”. (E. B. Elridge, *The Background of Eastern Sea Power*, Melbourne, 1948).

Đời Nhà Minh

Trong cuốn “Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ” ghi trên, học giả Hsieh Chiao-Min ghi nhận rằng, theo chính sử, từ các thế kỷ thứ 3 và thứ 2 Trước C. N., người Trung Hoa chỉ đi tới Biển Nhật Bản và Đông Trung Quốc Hải. Họ không nghĩ có đất liền bên kia Thái Bình Dương. Do đó mọi cuộc thám hiểm đều hướng về Tây Dương. Mãi đến thế kỷ 15 dưới đời Minh Thành Tổ (1403-1424) mới có những vụ thám hiểm đại dương từ Đông Nam Á đến Ấn Độ và Đông Phi .

Đồng thời với 5 cuộc Bắc Chinh chống Hung Nô, Minh Thành Tổ cử Đô Đốc Thái Giám Trịnh Hòa chỉ huy những cuộc hành trình tại Ấn Độ Dương mệnh danh là “Thất Hạ Tây Dương” (Tây hay Tây Trúc chỉ Ấn Độ và Tây Dương là Ấn Độ Dương). Điều đáng lưu ý là về 7 chuyến công du tại trên 30 quốc gia trong 28 năm (từ 1405 đến 1433), chính sử Trung Hoa cũng ghi rõ phái bộ Trịnh Hòa chỉ đi qua Biển Nam Hoa nhằm thám hiểm Ấn Độ Dương. Như vậy không có chuyện phái bộ Trịnh Hòa đến các đảo Hoàng Sa và Trường Sa để chiếm hữu và hành sử chủ quyền.

Theo chính sử do các sử gia Trung Quốc trên thế giới hội nghị tại Đài Bắc năm 1968 và biên soạn năm 1978 thì trong các đời Tần Hán, Tùy Đường, Tống Nguyên và Minh Thanh, không thấy một dòng chữ nào đề cập việc Trung Quốc đem quân chiếm cứ các hải đảo tại Biển Đông Hải. Các chuyến hải hành chỉ vụ vào việc bành trướng thế lực ngoại giao và phát triển giao thương giữa Trung Hoa với các quốc gia Á Phi tại Ấn Độ Dương và Biển Ả Rập. Con đường thương mại hàng hải được thiết lập từ Thời Phục Hưng hay từ thế kỷ thứ 10, với các dịch vụ về tơ lụa, đồ sứ và tiền đồng. Tuy nhiên những chuyến hải hành chỉ nhằm phô trương thanh thế cho Minh Thành Tổ chứ không thực sự đem lại kết quả cụ thể nào về mặt ngoại giao. Do đó dư luận trong nước đã phê phán những chuyến đi phô trương nặng phần trình diễn làm hao mòn công quỹ khiến kinh tế quốc gia bị suy thoái. Riêng tại Đại Việt, Giáo Sư J.K. Fairbank cũng nói về cuộc xâm lăng khởi sự năm 1407 và kết thúc năm 1427. Kết cuộc, với những tổn thất đáng kể, nhà Minh phải trả chủ quyền độc lập cho Việt Nam năm 1428.

Hoàng Sa Trường Sa theo Trung Quốc Sử

Trong Trung Quốc sử có rất nhiều tài liệu lịch sử và nhiều tác phẩm của các học giả Trung Hoa xác nhận chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa.

Dưới đời Nhà Thanh, trong 3 thế kỷ từ 17 đến 20:

- a) Theo bản đồ Hoàng Thanh Nhất Thống Dư Địa Tổng Đồ do Chính Phủ ấn hành năm 1894, thì đến cuối thế kỷ 19, “lãnh thổ của Trung Quốc chỉ chạy đến đảo Hải Nam là hết” (Hải Nam cách Hoàng Sa 150 hải lý (275 km) về phía đông nam).
- b) Qua thế kỷ 20 sự kiện này được xác nhận trong cuốn Trung Quốc Địa Lý Học Giáo Khoa Thư xuất bản năm 1906 đời vua Quang Tự với đoạn như sau: “Điểm cực Nam của Trung Quốc là bờ biển Châu Nhai thuộc quận Quỳnh Châu (Hải Nam) tại Vĩ Tuyến 18”.
- c) Trong bản đồ Đại Thanh Đế Quốc do Chính Phủ ấn hành cũng không thấy vẽ các quần đảo Hoàng Sa Trường Sa, và không thấy ghi các danh xưng Hán hóa Tây Sa, Nam Sa.
- d) Trong bộ Hải Quốc Đồ Ký, cuốn Hải Lục của Vương Bình Nam (1820-1842) viết: “Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa) là giải cát dài ngoài biển được dùng làm phen dậu che chắn mặt ngoài bờ cõi nước An Nam”. Như vậy có sự nhìn nhận rằng quần đảo này là biên thùy hải phận của Việt Nam.
- e) Theo học giả Marwyn S. Samuels trong cuốn Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa nói ở trên “không có bằng chứng nào cho thấy nhà Thanh đã sát nhập Hoàng Sa Trường Sa vào lãnh thổ Trung Quốc”.
- f) Trong tập Địa Dư Chí Tỉnh Quảng Đông được vua Ung Chính duyệt phê năm 1731, không thấy ghi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Trung Quốc.

g) Trong bộ “Đại Thanh Nhất Thống Chí” do Quốc Sử Quán Trung Hoa biên soạn năm 1842 với lời tựa của vua Đạo Quang không có chỗ nào ghi Thiên Lý Trường Sa hay Vạn Lý Trường Sa (quần đảo Hoàng Sa) thuộc địa phận tỉnh Quảng Đông.

h) Đặc biệt là trong cuốn Hải Quốc Văn Kiến Lục của Trần Luân Quýnh (năm 1744), vùng hải phận của Việt Nam tại Biển Đông Hải được ghi bằng các danh xưng Việt Hải và Việt Dương.

i) Ngoài ra cuốn Hải Ngoại Kỳ Sự của Thích Đại Sán xuất bản năm 1695 đời Khang Hi cũng ghi nhận Đại Việt đã chiếm hữu, và khai thác Biển Đông với Hoàng Sa Trường Sa.

Đời nhà Minh

- a) Bản Đồ Mao Khôn trong cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi gọi vùng biển Việt Nam là Giao Chỉ Dương.
- b) Trên các bản đồ Trịnh Hòa Hạ Tây Dương và Trịnh Hòa Hàng Hải Đồ không thấy ghi các quần đảo Hoàng Sa Trường Sa với các danh xưng Hán hóa Tây Sa, Nam Sa, Tuyên Đức, Vĩnh Lạc trong các lộ trình của Trịnh Hòa 7 lần đi ngang qua Biển Nam Hoa để khai phá Ấn Độ Dương.
- c) Trong hai thế kỷ 14 và 15 có sự giao chiến trường kỳ 100 năm giữa Việt Nam và Chiêm Thành: Với Chế Bồng Nga đời vua Trần Nghệ Tông (năm 1370), và với hai anh em Trà Toàn, Trà Toại đời vua Lê Thánh Tông (năm 1470). Nếu quả thật nhà Minh đã chiếm đất Chiêm Thành trong chuyến đi thứ tư của Trịnh Hòa, thì lẽ tất nhiên sử sách của Trung Hoa, Chiêm Thành và Việt Nam đã phải ghi chép việc đó. Mà nếu Trịnh Hòa đã chiếm Chiêm Thành năm 1413 thì lẽ tất nhiên Nhà Minh đã phải đem quân chống lại vua Lê Thánh Tông trong Chiến Dịch Bình Định để lấy đất Chiêm Thành năm 1470.
- d) Theo sách Dư Địa Chí đời Hồng Đức lưu trữ tại Đông Dương Văn Khố Tokyo, tới hậu bán thế kỷ 15 dưới triều vua Lê Thánh Tông năm Hồng Đức nguyên niên (1470), Chiêm Thành đã là lãnh thổ của Đại Việt gồm có lục địa, hải phận và các hải đảo.
- e) Về việc này cuốn Minh Sử ghi chép như sau: “Sứ thần Chiêm Thành nói: Cổ lai đất nước Chiêm có 27 xứ, 4 phủ, 7 châu, 22 huyện, nay vua An Nam lấy đi chỉ còn 5 xứ, từ Bang Đô Lang đến Chân Lạp”. Lúc này vua Nhà Minh yêu cầu vua Lê Thánh Tông trả đất cho Chiêm Thành nhưng Ngài không chịu. Lý do là vì Minh Chủ không chịu trả đất Nam Việt thời Triệu Vũ Đế cho Đại Việt. Tài liệu lịch sử này cho biết từ thế kỷ 15, vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa nguyên là địa bàn ngư nghiệp của Chiêm Thành đã trở thành lãnh thổ Đại Việt.

Đời nhà Nguyên

- a) Trong thế kỷ 13 Mông Cổ bị Đại Việt đánh bại trong 3 thập niên, vào những năm 1257, 1285 và 1287. Sau ba phen thất bại, Nhà Nguyên không còn dòm ngó Việt Nam từ trên lục địa đến ngoài hải phận. Và trong các thế kỷ 13 và 14, theo chính sử, quân Mông Cổ không xâm chiếm các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

b) Theo cuốn Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa của Marwyn Samuels “trong thế kỷ 14 các đội hải thuyền hùng mạnh của nhà Nguyên có đi tuần tiễu, nhưng tại Biển Nam Hoa các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa không bị chiếm đóng và không thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc” (sách đã dẫn, trang 20).

c) Cũng như các sách sử địa đời Nhà Thanh, cuốn Nguyên Sử Địa Lý Chí đã viết như sau: “Cương vực Trung Quốc đời Nhà Nguyên về phía Nam chỉ đến Đảo Hải Nam, và về phía Bắc không quá Sa Mạc Gobi”.

Đời Nhà Tống

a) Như trong thế kỷ 13 đời Nhà Nguyên, trong hai thế kỷ thứ 10 và 11 Việt Nam cũng đã 3 lần đánh thắng Nhà Tống.

b) Sau 3 phen thất trận, theo trình tấu của Hoàng Thân Triệu Nhữ Quát, vua Tống Thần Tông đã phải theo chính sách Trọng Võ Ái Nhân (thận trọng việc võ bị, thương xót mạng người, không phơi binh nơi lam chướng). Và đã thừa nhận nền độc lập của Đại Việt.

c) Sách Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát nhìn nhận rằng quần đảo Hoàng Sa mà tác giả gọi là Thiên Lý Trường Sa (Bãi Cát Dài Ngàn Dặm) là đất của nước phiên thuộc An Nam,

d) Trong đời Nam Tống cuốn Lĩnh Ngoại Đại Đáp của Chu Khứ Phi cũng xác nhận: “Vạn Lý Trường Sa (Hoàng Sa) tọa lạc tại Giao Chỉ Dương”.

Đời Nhà Đường

a) Sách Đường Thư Nghệ Văn Chí đề cập đến cuốn Giao Châu Dị Vật Chí của Dương Phu trong đó tác giả tường thuật những việc kỳ dị và những nơi kỳ dị tại Giao Châu (Việt Nam). Như tại Thất Châu Dương (Nhóm An Vĩnh, Hoàng Sa) là nơi có nhiều tù thạch hay đá nam châm khiến các thuyền ngoại dương có đóng chốt sắt không đi qua được. Đây có sự thừa nhận các đảo Hoàng Sa là thành phần của Việt Nam.

2. Ngoài ra sách Tứ Di Lộ Trình của Giã Đàm đời Đường có vẽ hải đạo Hồng Kông-Tân Gia Ba nhưng không ghi các hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa hay các danh xưng Tây Sa, Nam Sa.

Đời Nhà Hán

a) Trong cuốn Chư Phiên Chí, sử gia Triệu Nhữ Quát đời Nhà Tống đã xác nhận sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ như sau: Năm 111 Trước C. N., sau khi thôn tính Nam Việt “Hán Vũ Đế sai quân vượt biển sang chiếm đất của địch quân (Nam Việt) và đặt ra hai quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ (Đảo Hải Nam). Trong thế kỷ thứ nhất Trước C.N. Hán Nguyên Đế đã rút quân khỏi đảo Hải Nam, mãi tới đời nhà Lương và nhà Tùy vào cuối thế kỷ thứ 6 và đầu thế kỷ thứ 7 mới đặt lại quyền cai trị”.

b) Như đã trình bày, đến cuối đời Nhà Thanh vào đầu thế kỷ 20, biên cương của Trung Quốc về phía Nam chỉ chạy tới đảo Hải Nam tại vĩ tuyến 18.

Tổng kết lại, về mặt chính sử, trong suốt 22 thế kỷ, từ các đời Tần Hán thế kỷ thứ 3 Trước C.N. đến thế kỷ 20 đời Nhà Thanh, không thấy tài liệu nào, hay nói rõ hơn, không có câu nào ghi rằng Biển Đông Hải với Hoàng Sa Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Mãi tới năm 1951 nhân kỳ Hội Nghị Hòa Bình San Francisco 1951, lần đầu tiên Chính Phủ Bắc Kinh mới đưa ra Công Bố ngày 1-9-1951 đòi chủ quyền lãnh thổ tại các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đó là Bản Chú Giải về Đảo Nam Uy và Quần Đảo Tây Sa theo đó “đảo Nam Uy cùng toàn thể các quần đảo Nam Sa và Tây Sa đều là lãnh thổ của Trung Quốc, các tài liệu lịch sử liên quan đến các quần đảo này có từ đời nhà Tống”.

Tuy nhiên lịch sử Trung Quốc đã không xác nhận như vậy. Cuốn Lĩnh Ngoại Đại Đáp của Chu Khứ Phi đời Nhà Tống gọi vùng biển Hoàng Sa Trường Sa là Giao Chỉ Dương

Qua năm 1956 khi Phi Luật Tân đòi chủ quyền các hải đảo Thái Bình (Itu Aba) và Trường Sa (Spratly), ngày 29-5-1956 Chính Phủ Đài Bắc cũng

lên tiếng phản kháng, chủ trương rằng các hải đảo này đã thuộc chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc từ đời nhà Minh.

Dẫu sao, cũng như Bản Công Bố Chủ Quyền của Bắc Kinh năm 1951, Bản Phản Kháng Phi Luật Tân của Đài Bắc năm 1956 không viện dẫn được bằng chứng cụ thể nào về pháp lý, địa lý hay lịch sử để chứng minh chủ quyền của Trung Quốc tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Hai Chính Phủ Quốc Cộng Trung Hoa chỉ quả quyết suông rằng Biển Nam Hoa là Biển Lịch Sử của Trung Quốc từ các đời Tống Thần Tông hay Minh Thành Tổ. Đây chỉ là sách lược của Bắc Kinh nhằm phục hồi Đế Quốc Đại Hán do Mao Trạch Đông phát động từ thập niên 1950. Để thi đua tranh thủ nhân tâm, Đài Loan cũng đã phải phụ họa.

Phục Hồi Đế Quốc Đại Hán

Tháng 5-2008 trên tạp chí Duyệt Lại Nền Kinh Tế Tại Viễn Đông (Far Eastern Economic Review), học giả Micheal A. Ledeen trong Viện Nghiên Cứu Chính Sách của Hoa Kỳ đã mệnh danh chính sách bá quyền của Trung Quốc hiện nay là Chủ Nghĩa Phát Xít Cổ Điển.

Theo tác giả, thay vì tiếp thu chủ nghĩa đa nguyên theo sự mong đợi của mọi người, giới lãnh đạo Trung Quốc càng ngày càng trở nên giáo điều và bảo thủ. Cũng như tại Ý 50 năm sau khi Phát Xít sụp đổ, Nhà Nước Ý vẫn giữ nguyên chế độ độc tài và chủ yếu vẫn đàn áp chính trị. Để biện minh cho chế độ, họ đã nêu lên quan hệ về sự vinh quang cổ xưa của dân tộc Ý thời Đế Quốc La Mã. Ngày nay, để phỏng theo Chủ Nghĩa Phát Xít Cổ Điển Ý, Bắc Kinh cũng đề xướng “Dân Tộc Hán Vĩ Đại”. Mục đích để giữ chặt quyền lực chính trị và phục hồi Đế Quốc Đại Hán.

Với “tứ hiện đại hóa” Trung Quốc ngày nay đã biểu lộ tính hiếu chiến trong chính sách bành trướng cả về kinh tế lẫn chủ quyền lãnh thổ. Quân đội Trung Quốc đang tăng cường sức mạnh để hy vọng có ngày đủ phương tiện nhằm loại trừ hay phòng ngừa sự can thiệp của Hoa Kỳ tại Á Châu Thái Bình Dương. Trong khi chờ đợi họ phóng kim ngân để tích cực vận dụng thông tin tuyên truyền hầu giành cảm tình và sự tán phục của các quốc gia trên thế giới. Sau đó, theo truyền thống và tự hào lịch sử, họ sẽ bước vào giai đoạn đối đầu với phe Dân Chủ Tây Phương. Họ kỳ vọng rằng với quyết tâm và phát triển kinh tế, hệ thống Trung Quốc sẽ nổi bật trên thế giới khiến các quốc gia khác phải khâm phục và mặc nhiên chấp thuận để họ thôn tính các vùng lãnh thổ và hải đảo tại Á Châu.

Những nhận định nói trên của ký giả Micheal A. Ledeen cũng là nhận định của Tiến Sĩ Lo Chi-Kin từ Hồng Kông trong Luận Án Tiến Sĩ đệ trình Đại Học Kinh Tế Chính Trị Luân Đôn năm 1986 : Theo Mao Trạch Đông những lãnh thổ phụ dung trước kia đã được Trung Quốc chinh phục và khai hóa, nay phải trả lại (Trung Quốc) văn minh chứ không thể thuộc về phe (Đế Quốc) đã man. (Chi-Kin Lo, Doctor of Laws Thesis London 1986)

Từ sau Chiến Tranh Biên Giới Hoa-Án năm 1962, mọi người nhìn rõ tham vọng không bao giờ thỏa mãn của Trung Quốc muốn đòi những lãnh thổ mà họ đã thôn tính trong lịch sử. Chính sách này được phổ biến năm 1954 trong cuốn “Lược Sử Tân Trung Quốc” có kèm theo bản đồ, nhắc lại lời Mao Trạch Đông: “Tất cả các lãnh thổ và hải đảo thuộc khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc đã từng bị phe Đế Quốc Tây Phương và Nhật Bản chiếm đoạt từ giữa thế kỷ 19 đến sau Thế Chiến I, như Ngoại Mông, Triều Tiên, “An Nam”, Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, Bhutan, Nepal, Ladakh, Hồng Kông, Macao, cùng những hải đảo Thái Bình Dương như Đài Loan, Bành Hồ, Ryukyu, Sakhalin, phải được giao hoàn cho Trung Quốc”.

Đây là khát vọng bá quyền của Trung Quốc không bao giờ thỏa mãn. Đế Quốc Ngai Rồng phát hiện từ các đời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Tống Thánh Tông, Minh Thành Tổ đã được Mao Trạch Đông chủ trương phục hồi từ 1955.

Trong cuốn Cách Mạng Trung Quốc và Lịch Sử Đảng Cộng Sản Trung Quốc xuất bản sau năm 1949 có đoạn như sau:

“Sau khi đánh bại Trung Quốc trong chiến tranh võ trang, các đế quốc đã thôn tính nhiều nước phụ dung của Trung Quốc: Nhật Bản chiếm Triều Tiên, Đài Loan, Bành Hồ, các đảo Ryukyu, và Port Arthur. Anh chiếm Miến Điện, Bhutan, Nepal và Hồng Kông; Pháp chiếm “An Nam”; và ngay cả một quốc gia vô nghĩa như Bồ Đào Nha cũng chiếm Macao”.

Nếu quả thật muốn trung thành với chủ trương phải giao hoàn các lãnh thổ bị xâm chiếm do chiến tranh võ trang, thì trước hết Trung Quốc phải giao hoàn cho Việt Nam lãnh thổ nước Nam Việt do Triệu Vũ Vương thiết lập năm 207 Trước C. N. (gồm vùng trung nguyên Trung Quốc với các tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, đảo

Hải Nam và Bắc Việt Nam). Tuy nhiên năm 111 Trước C. N. Hán Vũ Đế đã đem quân thôn tính Nam Việt nhằm Hán hóa vùng lãnh thổ này, mặc dầu Nam Việt có nền văn hóa đặc thù khác với các dân tộc du mục Miền Bắc. Đó cũng là nhận định của Giáo Sư C. P. Fitzgerald tại Đại Học Oxford: “Trong trường hợp nước Nam Việt giữ vững chủ quyền độc lập với nền văn hóa đặc thù của Miền Nam, thì dầu nhà Hán có chiếm được miền Quảng Châu và Vân Nam, họ cũng sẽ không thành công trong việc thiết lập ảnh hưởng tại vùng châu thổ Sông Tây Giang phía đông nam Trung Quốc”. (C. P. Fitzgerald, China, A Short Cultural History, p 184)

Điều nghịch lý là, dầu quả quyết nắm chắc phần thắng trong tay, Trung Quốc vẫn ngần ngại không dám công khai đưa vấn đề tranh chấp chủ quyền hải đảo và hải phận tại Biển Đông Nam Á ra trước các cơ quan trọng tài quốc tế.

Ngày nay, cùng với người Việt trong và ngoài nước, chúng ta thách thức Bắc Kinh công khai đưa vụ tranh chấp chủ quyền các hải đảo và hải phận tại Biển Đông Hải, Biển Nam Hoa hay Biển Đông Nam Á ra trước các cơ quan tài phán, trọng tài hay tham vấn theo thủ tục quốc tế. (Judicial litigation, arbitration or consultation)

Hiện nay, tại vùng Biển Đông Nam Á, rập theo tham vọng của Đế Quốc La Mã hồi thế kỷ thứ nhất coi Địa Trung Hải là Biển Lịch Sử La Mã, Bắc Kinh cũng đưa ra thuyết Biển Lịch Sử hay Lưỡi Ròng Trung Quốc (mà dân gian gọi là Lưỡi Bò). Họ coi đó là mục tiêu chiến lược từ sau 1951. Nhất là từ 1982 khi Trung Quốc ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển.

Tuy nhiên thuyết Biển Lịch Sử ngày nay đã lỗi thời. Nó đi trái Điều 8 Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển và đi trái Luật Tục Lệ Quốc Tế của Tòa Án Quốc Tế The Hague.

Chủ Quyền Lịch Sử và Biển Lịch Sử

Trong suốt 22 thế kỷ, từ các đời Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế, Tống Thành Tông, Minh Thành Tổ đến giữa thế kỷ 20 (năm 1951), Trung Quốc không bao giờ lên tiếng yêu sách đòi chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (mà họ gọi là Tây Sa và Nam Sa). Họ khẳng định đó là một vấn đề “bất khả tranh nghị”. Để tránh né mọi cuộc tranh luận công khai trước các cơ quan tham vấn, trọng tài hay tố tụng. Lý do là vì họ không đưa ra được quan điểm pháp lý hay một bằng chứng lịch sử khả tín nào cho thấy họ có chủ quyền tại các quần đảo này.

Năm 1982, sau khi ký Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển, Bắc Kinh tập hợp 400 học giả, ngày đêm nghiên cứu, thảo luận trong suốt 10 năm để kết luận rằng “Biển Nam Hoa là Biển Lịch Sử của Trung Quốc từ hàng ngàn năm nay”. Rồi họ hội nghị với 100 nhà trí thức Đài Loan để xác định chủ trương này.

Tuy nhiên về mặt Công Pháp Quốc Tế, chiếu án lệ của Tòa Án Quốc Tế The Hague, muốn có Biển Lịch Sử phải hội đủ 3 điều kiện:

1. Phải có sự hành sử chủ quyền;

2. Một cách liên tục và trường kỳ; và
3. Được sự thừa nhận của các quốc gia duyên hải, đặc biệt là các quốc gia tiếp cận và đối diện.

Dầu sao Tòa Án Quốc Tế đã định nghĩa “biển lịch sử là nội hải”.

Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982 đã kết thúc mọi cuộc tranh luận khi quy định trong Điều 8 như sau:

“Ngoại trừ trường hợp các quốc gia quần đảo [như Phi Luật Tân hay Nhật Bản] Biển Lịch Sử hay nội hải của một quốc gia nằm bên trong đất liền, về phía bên trong đường cơ sở của biển lãnh thổ. The International Court of Justice has defined historic waters as “internal waters”; “Waters on the landward side of the baseline of the territorial sea form part of the internal waters of the State” (Art. 8 LOS Convention 1982).

Thủ Đắc do Chiếm Cứ

Theo công pháp quốc tế, muốn thủ đắc chủ quyền các đất vô chủ (terra nullius), sự chiếm cứ phải có những đặc tính sau đây:

a) Chiếm cứ hòa bình.

Không có sự chối cãi rằng trong năm 1956 hải quân Trung Quốc đã chiếm cứ võ trang 7 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm An Vĩnh phía đông bắc.

Năm 1974 Trung Quốc lại dùng võ lực xâm chiếm 6 đảo Hoàng Sa thuộc Nhóm Luỹ Liềm phía tây nam.

Năm 1988, lần đầu tiên hải quân Trung Quốc tấn công võ trang các đảo Trường Sa, và đã chiếm Đá Chữ Thập và Đá Gaven cùng một số đá chìm và bãi ngầm.

Năm 1992, Trung Quốc lại dùng võ lực xâm chiếm Bãi Vạn An trên Thềm Lục Địa Việt Nam phía đông nam các bãi dầu khí Thanh Long và Tứ Chính.

Những vụ chiếm cứ này không có tính hòa bình mà do xâm lăng võ trang nên không được luật pháp và tòa án bảo vệ. Vì nó đi trái Điều 2 Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. Cũng như thời Thế Chiến II, Nhật Bản đã chiếm cứ Hoàng Sa và Trường Sa bằng võ lực nên không có tư cách chủ quyền hợp pháp.

2) Chiếm cứ liên tục và trường kỳ

Cho đến ngày 1-9-1951 Trung Quốc mới lên tiếng đòi “chủ quyền lịch sử” tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Tuy nhiên, theo cuốn Trung Quốc Địa Lý Học Giáo Khoa Thư xuất bản năm 1906 đòi Vua Quang Tự “Điểm cực Nam của Trung Quốc là bờ biển Châu Nhai thuộc quận Quỳnh Châu (Hải Nam) tại Vĩ Tuyến 18”.

Theo Nguyên Sử lãnh thổ của Trung Quốc chạy từ Sa Mạc Gobi về phía bắc đến Đảo Hải Nam về phía nam.

Theo Minh Sử, đời vua Lê Thánh Tông từ thế kỷ 15 (năm 1470), các đảo Hoàng Sa và Trường Sa nguyên là địa bàn ngư nghiệp của Chiêm Thành đã trở thành lãnh thổ của Đại Việt.

Lịch sử Trung Quốc không mang lại bằng chứng khách quan vô tư nào cho biết họ đã liên tục chiếm cứ, công bố và hành sự chủ quyền tại Hoàng Sa, Trường Sa từ các đời Hán Vũ Đế, Tống Thần Tông, Minh Thành Tổ hay Quang Tự. Nếu chỉ có một số ngư dân lẻ tẻ từ đảo Hải Nam đến đánh cá theo mùa thì cũng không có sự công bố và hành sự chủ quyền của Nhà Nước.

3) Hơn nữa sự chiếm cứ phải được sự thừa nhận của các quốc gia liên hệ.

Đầu tháng 9, 1951, 51 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị Hòa Bình Cựu Kim Sơn để ký Hiệp Ước Hòa Bình Nhật Bản, trong đó Nhật Bản từ bỏ quyền đòi Hoàng Sa Trường Sa nhưng không nói để trả cho nước nào. Ngoại Trưởng Liên Xô Gromyko nạp tu chính án yêu cầu Hội Nghị biểu quyết trao Hoàng Sa Trường Sa cho Trung Quốc. Nhưng Hội Nghị đã bác bỏ thỉnh cầu này với 46 phiếu chống và 3 phiếu thuận. Sau đó Thủ Tướng kiêm Ngoại Trưởng Quốc Gia Việt Nam Trần Văn Hữu lên diễn đàn tuyên bố chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa Trường Sa và không gặp sự phản kháng nào.

4) Sự thừa nhận chủ quyền hải đảo chỉ có ý nghĩa nếu xuất phát từ các quốc gia duyên hải đối diện và tiếp cận. Vì các đảo này tọa lạc tại Biển Đông Nam Á, nên chỉ các quốc gia Đông Nam Á mới có thẩm quyền thừa nhận. Mà cho đến nay trong tất cả các quốc gia Đông Nam Á không một nước nào thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc tại Hoàng Sa và Trường Sa.

Điều đáng lưu ý là, cho đến những năm 1956, 1974, 1988 và 1992 các đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã do Việt Nam chiếm cứ công khai, hòa bình, trường kỳ và liên tục nên không thể coi đó là đất vô chủ. (terra nullius)

Do đó, về công pháp quốc tế, thuyết Biển Lịch Sử không còn là một vấn đề tranh nghị tại các cơ quan trọng tài hay các Tòa Án Luật Biển. Vì thuyết này đi trái với Luật Tục Lệ Quốc Tế của Tòa Án Quốc Tế và đã bị Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển bác bỏ trong Điều 8.

Vì biết rõ điều đó nên Trung Quốc không dám đưa vụ tranh chấp hải phận và các hải đảo tại Biển Đông Nam Á ra trước Tòa Án Quốc Tế, Tòa Án Luật Biển hay trước Ủy Ban Trọng Tài Liên Hiệp Quốc.

Bài Đọc Thêm

HAI CHIẾN DỊCH TRUYỀN THÔNG CỦA BẮC KINH:

TRỊNH HÒA CHIẾM CỬ HOÀNG SA TRƯỜNG SA NĂM 1413

VÀ KHÁM PHÁ MỸ CHÂU NĂM 1421

Khám phá Mỹ Châu là nói cho vui. Thôn tính Biển Đông là mục tiêu chiến lược.

Mới đây, các học giả trong Viện Nghiên Cứu Chính Sách Hoa Kỳ đã phê phán chính sách bá quyền của Trung Quốc là Chính Sách Phát Xít Cổ Điển.

50 năm sau khi Phát Xít sụp đổ, nước Ý vẫn theo chế độ độc tài và đàn áp đối lập. Để biện minh cho chế độ họ đề cao Dân Tộc Ý Vĩ Đại thời Đế Quốc La Mã 2000 năm về trước.

Ngày nay, bắt chước Đế Quốc La Mã, Trung Quốc cũng đề cao “Dân Tộc Hán Vĩ Đại” để giữ độc quyền lãnh đạo và phục hồi Đế Quốc Đại Hán. Với “tứ hiện đại hóa” Trung Quốc ra sức bành trướng về kinh tế và lãnh thổ. Họ phóng kim ngân thu nhân tâm, vận dụng truyền thông để giành cảm tình của các dân tộc trên thế giới, kỳ vọng rằng quốc tế sẽ khâm phục họ và mặc nhiên để họ thôn tính các lãnh thổ và hải đảo tại Á Châu Thái Bình Dương.

Mới đây Trung Quốc phát động hai chiến dịch phô trương, tuyên truyền rằng:

1. Năm 1421, trong Chuyến Đi Thứ Sáu (1421-1422) của Chiến Dịch Thất Hạ Tây Dương, Trịnh Hòa đã khám phá Mỹ Châu, trước Christopher Columbus 71 năm (năm 1492). So với Vasco Da Gama là người đã khám phá Mũi Hảo Vọng và đi xuyên 3 đại dương, từ Đại Tây Dương qua Ấn Độ Dương đến Thái Bình Dương (năm 1498), Trịnh Hòa đã thực hiện cuộc hành trình xuyên dương 77 năm trước.

2. Và trong Chuyến Đi Thứ Tư (1413-1415) Trịnh Hòa đã chiếm cứ Chiêm Thành cả trên lục địa lẫn ngoài hải phận trong đó có các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đây là hai chiến dịch truyền thông, mạo nhận thành tích để phô trương thanh thế và bóp méo sự thật.

Dấu sao sự mạo nhận này đã bị lịch sử phủ nhận.

TRỊNH HÒA KHÁM PHÁ MỸ CHÂU NĂM 1421?

Trước hết, theo chính sử Trung Quốc, cuốn “Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ” do Hàn Lâm Viện Trung Quốc xuất bản tại Đài Bắc năm 1978 đã viết như sau:

“Suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Trung Hoa không tha thiết đến đại dương. Thản hoặc, trong các thế kỷ thứ ba và thứ hai Trước Công Nguyên (thời Đế Quốc Tần Hán), Trung Hoa đã gửi những đoàn thám hiểm đến Biển Nhật Bản. Và trong thế kỷ 15, Minh Thành Tổ đã cử những phái đoàn thám hiểm Tây Dương đến Đông Nam Á, Ấn Độ và Phi Châu trong 28 năm, từ 1405 đến 1433 và đã viếng thăm 37 quốc gia duyên hải tại Ấn Độ Dương”.

Đó là những chuyến đi về ngoại giao và thương mại (tribute and trade). Những sự kiện này đã được ghi chép trong 3 loại tài liệu lịch sử:

a. Cuốn Minh Sử là chính sử.

b. Các bia kỷ niệm và các đồ bản tuyên dương thành tích được tồn trữ tại Phúc Kiến là địa điểm xuất phát Chiến Dịch.

c. Các sách sử địa trước tác bởi các thành viên tham gia Chiến Dịch như Doanh Nhai Thăng Lãm của Mã Hoan và Tinh Tra Thăng Lãm của Phi Tín. Cuốn Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi đời Nhà Minh cũng tường thuật về 7 chuyến Thất Hạ Tây Dương trong đó Trịnh Hòa chỉ đi qua Biển Nam Hoa để khai phá Ấn Độ Dương. Thông thường mỗi cuộc hải trình kéo dài 2 năm.

Trong Chuyến Đi Thứ Tư (1413-1415) Trịnh Hòa đi quá Ấn Độ, Vịnh Ba Tư, Biển Hồng Hải đến đông Phi Châu phía cực tây Ấn Độ Dương.

Về Chuyến Đi Thứ Sáu (1421-1422) Bắc Kinh đại ngôn rằng Trịnh Hòa đã đi xuyên qua Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương để khám phá Mỹ Châu năm 1421.

Tuy nhiên, theo chính sử, Chuyến Đi Thứ Sáu của Trịnh Hòa là chuyến đi ngắn nhất chỉ kéo dài 7 tháng, từ tháng 2-1421 đến tháng 9-1421. Trong chuyến đi này Trịnh Hòa chỉ đi từ Phúc Kiến đến Sumatra (Nam Dương). Kế tiếp, hai sĩ quan tùy viên Yang Ching và Hung Pao đã điều khiển cuộc hải trình. (Lịch Sử Trung Quốc Thời Trung Cổ (1978), trang 290-292).

Trong 7 chuyến công du, Trịnh Hòa không đến Đại Tây Dương, mà chỉ đi qua Biển Nam Hoa đến Ấn Độ Dương. Và như vậy không có việc, trong thế kỷ 15, Trịnh Hòa đã đi xuyên qua 3 đại dương là Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương, và qua 3 châu Á, Phi và Âu để khám phá Mỹ Châu năm 1421.

Trong cuốn Trung Hoa Thao Túng Đại Dương học giả Louise Levathes, bình bút tờ Nữ Ước Thời Báo và là giáo sư thỉnh giảng tại Đại Học Nam Kinh, cũng xác nhận điều đó: “Trong thời gian từ 1405-1433 các đoàn bảo thuyền (treasure ships) do Đô Đốc Thái Giám Trịnh Hòa chỉ huy đã thực hiện 7 cuộc hành trình vượt qua Biển Nam Hoa đến Ấn Độ Dương, Vịnh Ba Tư và bờ biển Đông Phi [chứ không sang Đại Tây Dương]. Trong những cuộc tiếp xúc với các thương gia Ả Rập người Trung Hoa cũng nghe nói về Âu Châu. Tuy nhiên họ đã không đến miền “cực tây” đó, vì Âu Châu chỉ sản xuất len dạ và rượu vang là những sản phẩm không được thị trường Trung Quốc ưa chuộng”. (Louise Levathes: *When China Ruled the Seas*, Simon & Schuster, New York, 1994, p. 20).

Mục đích những chuyến công du là thiết lập quan hệ ngoại giao và giao lưu thương mại. Nếu quả thật hồi đó Trịnh Hòa đến Đại Tây Dương thì lẽ tất nhiên phải ghé đến các cường quốc Âu Châu hồi thế kỷ 15 như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Hòa Lan trước khi đi xuống Mỹ Châu là vùng đất hoang vu với các sắc dân da đỏ bán khai không thành quốc gia mà cũng không có những tài nguyên hay thổ sản để giao lưu thương mại với Trung Quốc.

Và chiến dịch truyền thông của Đế Quốc Đại Hán chỉ là chuyện bịa đặt vụng về thô bạo bất khả tín.

Như vậy, theo các sử liệu của Trung Quốc và trên thế giới, Trịnh Hòa không lai vãng đến Đại Tây Dương và cũng không khám phá Mỹ Châu. Đây chỉ là một chiến dịch tuyên truyền, bịa đặt thành tích để phô trương thanh thế. Tuyên truyền dối trá là vũ khí chiến lược số 1 của Cộng Sản.

Trung thành với sách lược này, mới đây Bắc Kinh còn dựng đứng câu chuyện, từ thế kỷ 15 Trịnh Hòa đã chiếm cứ Chiêm Thành với Hoàng Sa Trường Sa.

TRỊNH HÒA CHIẾM HOÀNG SA TRƯỜNG SA NĂM 1413?

Sau vụ đảo chánh cướp ngôi của cháu ruột Minh Huệ Đế năm 1402, để làm lạc hướng dư luận, về mặt quốc tế, năm 1405 Minh Thành Tổ phát động chiến dịch Thất Hạ Tây Dương. Về mặt quốc nội, huy động hàng trăm học giả Trung Quốc soạn thảo cuốn Vĩnh Lạc Đại Toàn để đề cao cá nhân Minh Thành Tổ. Điều mĩa mai là, viện cớ khôi phục nhà Trần, Minh Thành Tổ, kẻ soán đoạt ngôi vua Nhà Minh, đã đem quân trừng phạt Hồ Quý Ly là kẻ soán đoạt ngôi vua Nhà Trần. Trương Phụ, Mộc Thạnh truyền hịch loan báo quân Tàu chỉ sang Việt Nam để tái lập ngôi vua nhà Trần, một triều đại vinh quang được toàn dân quý mến sau 3 trận đại thắng quân Mông Cổ. Với chiêu bài “cứu dân phạt tội” nhằm thu phục nhân tâm, quân nhà Minh đánh đâu được đó, quân nhà Hồ phần giã ngũ, phần qui hàng. Chủ yếu Minh Thành Tổ đã lợi dụng thời cơ để đem quân thôn tính Đại Việt trong suốt 20 năm (1407-1427).

Về Chiến Dịch Thất Hạ Tây Dương, trong Chuyến Đi Thứ Nhất (1405-1407), với một hạm đội hùng mạnh trên 27 ngàn sĩ tốt và hơn 300 hải thuyền, trong đó có 62 bảo thuyền lớn (large treasure ships), Trịnh Hòa đã không đổ bộ Việt Nam, chỉ ghé bên Đồ Bàn hay Trà Bàn (Chaban). Lúc này, nếu quả thật có kế hoạch thôn tính Chiêm Thành, Minh Thành Tổ chỉ cần điều động đội thủy binh hùng mạnh của Trịnh Hòa trong Chuyến Đi Thứ Nhất, chứ không cần phải đợi đến Chuyến Đi Thứ Tư (năm 1413) mới dùng thủ đoạn đồng minh giả hiệu để xâm chiếm Chiêm Thành cả trên lục địa lẫn ngoài hải phận.

Vả lại, theo chính sử, về Chuyến Đi Thứ Tư (1413- 1415), Minh Sử chỉ ghi Trịnh Hòa có đến Ấn Độ Dương, Vịnh Ba Tư, Biển Hồng Hải và Đông Phi Châu, chứ không ghi việc Trịnh Hòa đã chiếm Chiêm Thành với Hoàng Sa Trường Sa. Đặc biệt Trịnh Hòa đã ra huấn thị cho các đội hải thuyền: “phải tránh xa các vùng đá ngầm và các đảo nguy hiểm tại Biển Nam Hoa”. Trong những chuyến đi sau này, nhiều bảo thuyền đã bị mất tích vì bão tố. (Louise Levathes: When China Ruled the Seas, p. 93).

Điều đáng lưu ý là, lập luận của Chính Phủ Bắc Kinh cho rằng Trịnh Hòa đã chiếm Hoàng Sa Trường Sa từ đời Nhà Minh (thế kỷ 15) hoàn toàn mâu thuẫn với lập trường của chính họ trong Bản Chú Giải về các Đảo Nam Uy (Trường Sa) và Tây Sa (Hoàng Sa) ngày 1-9-1951, theo đó Trung Quốc đã chiếm Hoàng Sa Trường Sa từ đời Nhà

Tổng (thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 13). (Notes on the Nanwei and Sisha Islands of 9-1-1951: People's China Foreign Language Press).

Đây chỉ là những quyết đoán hồ đồ và những khẩu thuyết vô bằng.

Vì nếu Bắc Kinh dám tuyên bố Trịnh Hòa đã khám phá Mỹ Châu năm 1421, thì họ cũng không ngần ngại bịa đặt rằng Trịnh Hòa đã thôn tính Hoàng Sa Trường Sa năm 1413.

Nói tóm lại, về hai chiến dịch truyền thông cho rằng Trịnh Hòa đã khám phá Mỹ Châu năm 1421, và đã chiếm cứ Hoàng Sa Trường Sa năm 1413, chúng ta chỉ có thể kết luận: Phải là người Đại Hán đảm lược (to gan lớn mật) mới dám lấy những chuyện hoang đường võng tưởng làm sự thật lịch sử.

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống